

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
(Ban hành theo Quyết định số 133/QĐ-ĐHCĐ ngày 21/2/2014  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công đoàn)

Tên chương trình: **Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản trị nhân lực**

Hệ đào tạo: **Chính qui**

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo những cử nhân Quản trị nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khoẻ, có tinh thần phục vụ công nhân, viên chức, lao động và nhân dân, có tinh thần say mê, yêu nghề, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về nghề.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1.** - Kỹ năng giao tiếp và tổ chức các hoạt động tập thể, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp.

- Có năng lực làm việc độc lập và theo nhóm.

- Có khả năng phân công công việc và điều hành, giám sát hoạt động của các bộ phận chức năng.

- Có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học độc lập, biết soạn thảo văn bản liên quan đến quản lý lao động và kinh tế.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học

**1.2.2. Kỹ năng**

- Nắm vững và vận dụng thành thạo các khối kiến thức, công cụ dành cho các nhà quản trị để xác lập cơ sở khoa học cho việc ra quyết định quản trị nhân sự trong phạm vi doanh nghiệp.

- Biết phân tích và thiết kế công việc, tiêu chuẩn hóa các vị trí, chức danh trong doanh nghiệp, xây dựng hệ thống định mức lao động.

- Lập kế hoạch về nhân sự;

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tuyển mộ, tuyển chọn lao động trong tổ chức, doanh nghiệp.

- Thực hiện chương trình hội nhập vào môi trường làm việc giúp người lao động nhanh chóng thích nghi với môi trường doanh nghiệp và công việc.

- Tổ chức lao động trong doanh nghiệp, bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, khoa học nhằm khai thác tối ưu các nguồn lực khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện công việc của người lao động trong doanh nghiệp làm cơ sở cho việc trả thù lao lao động được công bằng, thỏa đáng và thực hiện các hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tạo và gia tăng động lực làm việc.

- Xây dựng và quản lý hệ thống thù lao lao động trong doanh nghiệp nhằm kích thích về vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.

- Giải quyết các mối quan hệ lao động, quan hệ giữa các đối tác lao động.

### **1.2.3. Thái độ**

Giúp người học phát triển thái độ làm việc có tinh thần trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp. Đặc biệt giúp người học nắm rõ và biết cách vận dụng phù hợp các quy định đạo đức xã hội và yêu cầu nghề nghiệp vào công việc sau khi tốt nghiệp.

### **1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp**

- Có khả năng làm việc ở các bộ, ngành, các cơ quan trung ương và địa phương với chức năng quản lý nhân lực.

- Công tác ở các viện, các trung tâm khoa học.

- Giảng dạy ở các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học..

- Làm việc tại các trung tâm tư vấn, giới thiệu lao động và việc làm.

- Đảm nhiệm các vị trí, chức danh quản lý trong các tổ chức, doanh nghiệp của nền kinh tế quốc dân.

#### **4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

Đủ điều kiện tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn.

##### **1.2.5. Trình độ ngoại ngữ của người học sau tốt nghiệp**

Có trình độ tiếng anh tương đương trình độ B Châu âu

##### **1.2.6. Trình độ Tin học của người học sau tốt nghiệp**

Có trình độ tin học tương đương trình độ B

#### **2. Thời gian đào tạo**

4 năm (48 tháng)

#### **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

130 tín chỉ (chưa bao gồm phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 42 tín chỉ (32.3%),
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 78 tín chỉ (60.0%)
- + Kiến thức cơ sở của khối ngành: 21 tín chỉ (16.1%)
- + Kiến thức ngành: 57 tín chỉ (43.8%)
- Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp cuối khoá: 10 tín chỉ (7.69%)

#### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được dự thi vào trường đại học Công đoàn:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học bổ túc.

- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư Liên bộ Y tế - Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18 - 8 - 1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20 - 8 - 1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

##### **5.1. Quy trình đào tạo:**

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Tổ chức đào tạo theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ*) và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công đoàn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ-ĐHCĐ ngày 21/2/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Công đoàn thay thế Quyết định số 578/QĐ-ĐHCĐ ngày 8/9/2010 của Hiệu trưởng về việc ban hành qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ*)

## **5.2. Điều kiện tốt nghiệp:**

Theo hiện theo Điều 27 về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) và Điều 26 về về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công đoàn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ-ĐHCĐ ngày 21/2/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Công đoàn* )

## **6. Thang điểm**

Theo thang điểm 10, sau đó được chuyển thành điểm chữ (A,B,C,D,F) ; Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 132/QĐ-ĐHCĐ ngày 21/2/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Công đoàn về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công đoàn

## 7. Nội dung chương trình

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ
<b>I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>42</b>
<b>I.1 Học phần bắt buộc (không kể GDTC, GDQP)</b>		<b>32</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Hp 1,2) (2-3)	5
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
4	Anh văn cơ bản I-II-II (3-3-3)	9
5	Toán cao cấp C1,2 (3-2)	5
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
7	Pháp luật đại cương	2
8	Tin học đại cương	3
9	Giáo dục thể chất	5
10	Giáo dục quốc phòng	165 tiết
<b>I.2. Học phần tự chọn</b>		<b>12</b>
11	-Kỹ năng soạn thảo văn bản (2)                      Chọn 2 trong 4 - Kỹ năng giao tiếp (2)	2
12	Logic học	2
13	- <i>Văn hóa doanh nghiệp</i> (2)                      Chọn 2 trong 6 - Đạo đức học đại cương (2) -Đạo đức học kinh doanh (2)	2
14	- Địa lý kinh tế Việt nam (2) - Lịch sử kinh tế (2)                      Chọn 2 trong 6 - Lịch sử các học thuyết kinh tế (2)	2
15	Những VĐCB về Công đoàn Việt Nam	2
<b>II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>78</b>
<b>II.1. Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành</b>		<b>21</b>
<b>II.1.1 Học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>
16	Kinh tế vi mô I	3
17	Kinh tế vĩ mô I	3
18	Marketing căn bản	3
19	Nguyên lý kế toán	3
20	Kinh tế lượng	3
<b>II.1.2. Học phần tự chọn</b>		<b>6</b>
21	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
22	Tài chính- tiền tệ	3
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>57</b>

<b>II.2.1. Học phần bắt buộc</b>		<b>25</b>
23	Quản trị học	2
24	Quản trị nhân lực (I- II-III)	3-2-2
25	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	3
26	Hành vi tổ chức	2
27	Thị trường lao động	3
28	Quan hệ đối tác xã hội	2
29	Tổ chức lao động khoa học trong DN	2
30	Định mức lao động trong DN	2
31	Dân số và phát triển	2
<b>II.2.2. Học phần tự chọn (kiến thức ngành)</b>		<b>17</b>
32	Kỹ năng quản trị	2
33	Tiền lương – Tiền công	2
34	Phân tích thông tin lao động xã hội	2
35	Kê hoạch hóa nguồn nhân lực	2
36	Bảo hộ lao động	2
37	Kinh tế nguồn nhân lực	2
38	- Tâm lý học lao động (2)                      Chọn 2 trong 4 - Tâm lý học đại cương (2)	2
39	- Luật lao động và Luật công đoàn (3)      Chọn 3 trong 6 -Luật kinh tế (3)	3
<b>II.2.3. Học phần bổ trợ</b>		<b>15</b>
40	Tin học ứng dụng	2
41	-Kinh tế phát triển (2)      Chọn 2 trong 4 -Kinh tế quốc tế (2)	2
	Anh văn chuyên ngành	3
42	Bảo hiểm xã hội	2
43	Thông kê lao động	2
44	Lập và quản lý dự án đầu tư	2
45	<i>Đề án môn học</i>	2
<b>III. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</b>		
- KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, hoặc - HỌC VÀ THI MỘT SỐ HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN		<b>10</b>
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III)</b>		<b>130</b>

**8. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)**

TT	Học phần	Số T C	Học kỳ thứ								Khoa, BM đảm nhiệm
			1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin I (Hp1)	2	2								LLCT
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin I (Hp2)	3		3							LLCT
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						LLCT
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3					LLCT
5	Anh văn cơ bản 1	3		3							N.Ngữ
6	Anh văn cơ bản 2	3			3						N.Ngữ
7	Anh văn cơ bản 3	3				3					N.Ngữ
8	Toán cao cấp C1	3		3							KHCB
9	Toán cao cấp C2	2	2								KHCB
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			3						KHCB
11	Pháp luật đại cương	2	2								Luật
12	Tin học đại cương	3			3						BM.Tin
13	Giáo dục thể chất	5	1	1	1	1	1				GDTC
14	Giáo dục quốc phòng	8									GDTC
15	<i>Soạn thảo văn bản</i> } (Chọn 2	2	2								KHCB
	Kỹ năng giao tiếp } (Chọn 2 trong 4 TC)	2									CTXH
16	Lôgic học	2		2							LLCT
17	<i>Đạo đức học đại cương</i>	2		2							LLCT
	Đạo đức học kinh doanh } (Chọn 2	2									LLCT
	Văn hóa doanh nghiệp } (Chọn 2 trong 6 TC)	2									QTKD
18	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2								LLCT
	<i>Địa lý kinh tế Việt Nam</i> } (Chọn 2	2									KHCB
	Lịch sử kinh tế } (Chọn 2 trong 6 TC)	2									LLCĐ
19	Những vấn đề cơ bản về Công đoàn Việt Nam	2		2							LLCĐ
20	Kinh tế vi mô I	3		3							Kinh tế
21	Kinh tế vĩ mô I	3			3						Kinh tế
22	Marketing căn bản	3			3						QTKD
23	Nguyên lý kế toán	3				3					Kế toán
24	Kinh tế lượng	3						3			KHCB

25	Nguyên lý thống kê kinh tế	3					3					K.tế
26	Tài chính - Tiền tệ	3				3						TCNH
27	Quản trị học	2				2						QTKD
28	Quản trị nhân lực I	3				3						QTNL
29	Quản trị nhân lực II	2						2				QTNL
30	Quản trị nhân lực III	2							2			QTNL
31	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	3				3						QTNL
32	Hành vi tổ chức	2							2			QTNL
33	Thị trường lao động	3						3				QTNL
34	Quan hệ đối tác xã hội	2							2			QTNL
35	Tổ chức lao động khoa học trong DN	2							2			QTNL
36	Định mức lao động trong DN	2						2				QTNL
37	Dân số và phát triển	2				2						XHH
38	Kỹ năng quản trị	2							2			QTNL
39	Tiền lương - Tiền công	2							2			QTNL
40	Phân tích thông tin lao động xã hội	2							2			QTNL
41	Kế hoạch hóa nguồn nhân lực	2						2				QTNL
42	Bảo hộ lao động	2				2						BHLĐ
43	Kinh tế nguồn nhân lực	2						2				QTNL
44	Tâm lý học lao động	2										CTXH
	Tâm lý học đại cương	2					2					
45	Luật lao động và Luật Công đoàn	3				3						Luật
	Luật kinh tế (chọn 3 trong 6 TC)	3										Luật
46	Tin học ứng dụng	2				2						BM.Tin
47	Kinh doanh quốc tế	2										K.tế
	Kinh tế phát triển	2				2						
48	Anh văn chuyên ngành	3						3				N.Ngữ
49	Bảo hiểm xã hội	2						2				QTKD
50	Thống kê lao động	2							2			K.tế
51	Lập và quản lý dự án đầu tư	2								2		K.tế
52	Đề án môn học	2							2			QTNL
53	Thực tập, làm khoá luận tốt nghiệp	10									10	QTNL
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>13</b>									<b>1</b>	
		<b>0</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>6</b>	<b>10</b>		



## 9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

Được nêu trong đề cương chi tiết các học phần

## 10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

### 10.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

#### 10.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu giảng các học phần giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành:

Được nêu trong bộ đề cương chi tiết các học phần

#### 10.1.2. Danh sách giảng viên cơ hữu giảng các học phần chuyên ngành

Được nêu trong bộ đề cương chi tiết các học phần

## 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 11.1. Hệ thống phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học đa phương tiện lớn	2	100	Bàn ghế HS	100	Phục vụ các môn học lý thuyết
				Máy chiếu	01	
				Màn chiếu	01	
				Loa, micro	01	
				Bàn,ghế GV	01	
				Bảng	01	
2	Phòng học đa phương tiện nhỏ	4	80	Bàn ghế HS	80	Phục vụ các môn học lý thuyết và thảo luận nhóm
				Máy chiếu	01	
				Màn chiếu	01	
				Loa, micro	01	
				Bàn,ghế GV	01	
				Bảng	01	
3	Phòng Lab học ngoại ngữ	1	60	Máy chủ	01	Các học phần ngoại ngữ
				Bảng	01	
				Bàn ghế máy tính	60	
				Bàn ghế gv	01	
				Máy in	01	
				Máy chiếu	01	
4	Phòng máy tính	1	60	Máy chủ	01	Các học phần Tin học
				Bảng	01	
				Bàn ghế máy tính	60	
				Bàn ghế gv	01	
				Máy in	01	
				Máy chiếu	01	

## **11.2. Thư viện**

- Tổng diện tích thư viện: 1200 m<sup>2</sup> (4 tầng x 300m<sup>2</sup>/tầng)
- Trong đó diện tích phòng đọc: 200 m<sup>2</sup> (2 phòng)
- Số chỗ ngồi: 200
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50
- Phần mềm quản lý thư viện: Unilib
- Thư viện điện tử: Có thư viện điện tử, gồm 01 máy chủ và 10 máy trạm, các máy tính cấu hình mạnh, đường truy nhập tốc độ 64; đã kết nối được với CSĐT nào trong nước, ngoài nước; việc tra cứu của giảng viên, sinh viên trong toàn trường?
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 20

## **11.3. Danh mục giáo trình, tập bài giảng**

### **11.3.1. Danh mục giáo trình, tập bài giảng các học phần đại cương và cơ sở ngành**

Được nêu trong bộ đề cương chi tiết các học phần

### **11.3.1. Danh mục giáo trình, tập bài giảng các học phần chuyên ngành:**

Được nêu trong bộ đề cương chi tiết các học phần

## **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Chương trình đào tạo này của Trường Đại học Công đoàn là những quy định về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức, kỹ năng cho ngành **Quản trị nhân lực**; là cơ sở giúp Nhà trường quản lý chất lượng quá trình đào tạo, các bộ phận trong trường thiết kế, bổ sung kiến thức, kỹ năng từ học phần cho phù hợp.

- Phòng Đào tạo căn cứ chương trình xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giảng dạy cho từng năm học, học kỳ.

- Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng căn cứ chương trình theo dõi quá trình tổ chức thực hiện

- Khoa, bộ môn căn cứ chương trình phân công giảng viên tham gia thực hiện.

*Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2014*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**TS. Phạm Văn Hà**